

Tâm Minh Lê Đình Thám và công cuộc chấn hưng Phật giáo tại Trung kỳ

ISSN: 2734-9195 12:56 27/03/2026

Tâm Minh Lê Đình Thám là linh hồn của phong trào chấn hưng Phật giáo tại Trung Kỳ, ông được ví như Tuệ Trung Thượng Sĩ thời Trần, đều là những bậc cư sĩ tại gia đạt đạo, đem đạo vào đời.

Tác giả: **Nguyễn Thị Thùy Trang (Thích nữ Huệ Khánh)**

Học viên Cao học K.IV, chuyên ngành Lịch sử Phật giáo - Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế.

Mở đầu

Trong dòng chảy lịch sử dân tộc Việt Nam, qua bao thế kỷ thăng trầm, dân tộc ta vẫn kiên cường khẳng định bản lĩnh, ý chí và lòng yêu nước nồng nàn. Phật giáo với truyền thống hộ quốc an dân, luôn đồng hành cùng dân tộc không chỉ trên phương diện tinh thần mà còn trong các phong trào yêu nước và chấn hưng văn hóa.

Trong nguồn mạch ấy, cư sĩ Phật giáo trở thành lực lượng tiêu biểu, nhân tố tích cực vừa tu học tại gia vừa nhập thế phụng sự, góp phần vào sự nghiệp chấn hưng đạo pháp và bảo vệ đất nước.

Lịch sử Phật giáo Việt Nam ghi nhận nếu như ở thế kỷ XIII có Tuệ Trung Thượng Sĩ là thầy của Đức vua Phật hoàng Trần Nhân Tông, thì đến thế kỷ XX, Phật giáo Việt Nam lại chứng kiến sự xuất hiện của một cư sĩ lỗi lạc khác đó là Tâm Minh Lê Đình Thám. Ông là một nhân vật đặc biệt, hội tụ đủ phẩm chất của một cư sĩ, bác sĩ, trí thức yêu nước, nhà hoạt động xã hội tiêu biểu và là thầy giáo của thế hệ tu sĩ được đào tạo trong phong trào chấn hưng Phật giáo tại Trung Kỳ, tiêu biểu là HT.Trí Quang, HT.Thiện Siêu, HT.Thiện Hoa...

Trên thực tế, vào thế kỷ XIX - XX được xem là giai đoạn lịch sử có nhiều biến động, khi đất nước phải chịu ách đô hộ của thực dân Pháp (1858 - 1945) đã tác động sâu sắc đến tình hình nước ta, làm cho diện mạo đất nước có nhiều

chuyển biến đổi khác.

Trước tình hình ấy, nhiều trí thức Việt Nam đã trăn trở, tìm kiếm những con đường khác nhau để cứu nước. Có người chọn con đường chính trị, làm cách mạng, có người lại dấn thân vào hoạt động văn hóa, giáo dục, xã hội, đem đạo vào đời để khơi dậy ý thức dân tộc và phục hồi nền văn hóa dân tộc đang bị suy yếu.

Trong số những trí thức yêu nước ấy, Tâm Minh Lê Đình Thám là gương mặt tiêu biểu. Ông không chỉ là một bác sĩ tài năng, mà còn là một nhà lãnh đạo, dịch giả, nhà giáo dục. Bằng khối óc trí tuệ, trái tim nhiệt huyết, ông đã trở thành linh hồn của phong trào chấn hưng Phật giáo ở Trung Kỳ. Với những đóng góp to lớn đó, Tâm Minh Lê Đình Thám không chỉ là biểu tượng của phong trào chấn hưng Phật giáo Trung Kỳ mà còn là nhân chứng lịch sử cho mối liên hệ mật thiết giữa Phật giáo và phong trào yêu nước Việt Nam thế kỷ XX.

Thông qua đó, góp phần khẳng định vị trí, vai trò của một cư sĩ trí thức trong bước chuyển mình của Phật giáo Việt Nam.



Tượng Cư sĩ - Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám tại chùa Từ Đàm, Huế.
Ảnh sưu tầm

Nội dung

Chương 1. Bối cảnh lịch sử và hành trạng của Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám

1.1. Bối cảnh lịch sử Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX

Sau Hiệp ước Harmand ký ngày 25/8/1883 với 27 điều khoản, Việt Nam chính thức trở thành thuộc địa của Pháp. Thực dân Pháp cắt Bình Thuận nhập vào Nam kỳ và xác lập ranh giới hành chính của xứ An Nam từ Bình Thuận ra Quảng Bình, chia đất nước thành ba kỳ: Bắc, Trung và Nam. Thế nên, HT. Thích Trí Quang từng xót xa ví cảnh ấy như *“ba anh em cùng một nhà, nay phải tạm chia thành ba gian”* khiến tình cảm dân tộc bị phân cách và mỗi miền phải tự lo phần mình.

Thêm vào đó, chính sách cai trị và hai cuộc khai thác thuộc địa (1897 - 1914 và 1919 - 1929) đã làm biến đổi sâu sắc đời sống kinh tế, xã hội và văn hóa Việt Nam. Cùng với sự truyền bá của Thiên Chúa giáo, phổ biến chữ Quốc ngữ và sự ra đời của các tôn giáo bản địa như Cao Đài, Hòa Hảo... đời sống tín ngưỡng dân gian trở nên đa dạng đã đặt Phật giáo đứng trước nhiều thách thức. Tình trạng đất nước bị chia cắt địa giới hành chính khiến Phật giáo từ Bắc vào Nam cũng bị phân tán, hình thành ba khu vực hoạt động độc lập: Phật giáo Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ. Đây chính là bối cảnh trực tiếp dẫn đến sự suy vi của Phật giáo và thôi thúc phong trào chấn hưng khởi phát vào nửa đầu thế kỷ XX.

1.2. Tình hình Phật giáo Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX

Từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, Phật giáo Việt Nam rơi vào tình trạng suy vi, phản ánh sự khủng hoảng cả về tổ chức, giáo lý và sinh hoạt tôn giáo. Trên thực tế, đạo Phật vốn quý, nhưng trong giai đoạn này chỉ còn tồn tại trên hình thức, không còn mang lại ảnh hưởng tích cực cho đời sống xã hội đưa đến nguy cơ diệt vong. Xuất phát từ căn nguyên đó, đã thôi thúc ý thức chấn hưng Phật giáo của giới tu sĩ và cư sĩ ngồi lại để cùng nhau thảo luận về việc vận động chấn hưng ngày càng trở nên cấp thiết, nhằm phục hồi tinh thần nguyên bản của đạo Phật, đưa giáo pháp gần với đời sống nhân sinh.

Về nguyên nhân dẫn đến sự suy vi của Phật giáo Việt Nam, theo HT. Thích Mật Thể là do vận mệnh đất nước thay đổi dưới ách đô hộ thực dân, khiến Phật giáo dần mất đi vị thế và nội lực vốn có. Trong bối cảnh ấy, nhiều người hiểu sai về Phật giáo, coi đạo Phật chỉ là tôn giáo cầu cúng, lễ nghi, khiến sinh hoạt tôn

giáo biến chất.

Một bộ phận không nhỏ tăng sĩ chỉ chú trọng đến danh vọng, địa vị, thậm chí vi phạm giới luật căn bản. Cụ thể, HT.Thích Mật Thể từng chỉ rõ hiện trạng này: *“Ở Trung kỳ thì phần nhiều họ đã có vợ, có con một cách công nhiên, không còn áy náy; nhất là ở Nam kỳ, ông thầy bà vãi lại càng hỗn độn hơn nữa... Phần đông tăng già chỉ nghĩ đến danh vọng, chức tước, xin bằng tăng cang, trụ trì, sắc tứ, còn mọi phương diện khác thì chỉ biết cúng cấp, cầu đạo, phù chú, làm tay sai cho các nhà vua chúa, quan quyền”*.

Theo đó, Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám cũng bày tỏ nỗi xót xa khi chứng kiến cảnh nhiều tu sĩ suốt ngày chỉ *“tán cho hay, tụng cho giỏi, khoa cho thuộc, nhíp nhàng cho đúng”*, nhưng lại xa rời tinh thần giác ngộ và giải thoát. Ông đau lòng nhận xét rằng: *“dù cho tượng tốt chùa lớn bao nhiêu đi nữa cũng chỉ như cái xác không hồn đó thôi, làm sao tránh khỏi cái nạn đạo Phật hóa thành đạo ma được”*.

Trong bài Thực trạng Phật giáo Việt Nam thời Pháp thuộc, TS.Ninh Thị Sinh và Ths.Ninh Thị Hồng cũng cho rằng tình trạng suy vi của Phật giáo thể hiện rõ tại nhiều ngôi chùa sắc tứ, nơi chư Tăng Ni chỉ lo giữ chùa, làm lễ cầu cúng, thiếu thời gian nghiên cứu kinh điển và hành trì giới luật. Vì thế, giáo lý Phật đã dần bị hiểu lệch, tín đồ trở nên mê tín, còn hình ảnh đức Phật bị xem như vị thần linh ban phúc lộc hơn là bậc đạo sư khai ngộ.

Trước thực trạng ấy, HT.Khánh Hòa thẳng thắn nhận định rằng giới tu sĩ đương thời *“vừa hư vừa dốt”*, thiếu học và thiếu đạo hạnh. Đây là nguyên nhân khiến đạo Phật mất dần sinh lực. Từ nhận thức đó, Ngài cùng nhiều tăng sĩ tiến bộ và hàng cư sĩ trí thức đã tiếp nhận mạnh mẽ làn sóng chấn hưng Phật giáo từ Sri Lanka, Ấn Độ và Trung Quốc, từng bước vận dụng vào hoàn cảnh thực tiễn Việt Nam.

Thực chất, nhu cầu chấn hưng Phật giáo trở thành một tất yếu lịch sử trong điều kiện thực tiễn có nhiều biến động. Hưởng ứng phong trào chấn hưng Phật giáo của Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học do HT.Khánh Hòa khởi xướng, tại Trung kỳ, có HT.Giác Tiên, Quốc sư Phước Huệ, Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, NT.Diệu Không đã chủ động tích cực thực hiện hoạt động chấn hưng một cách hiệu quả.

Có thể nói, sự chấn hưng này không thể thành tựu nếu thiếu sự chung sức đồng lòng của cả hai giới tu sĩ và cư sĩ. Trong đó, tu sĩ là lực lượng nòng cốt, có trách nhiệm khôi phục giới luật, chấn chỉnh tăng đoàn, làm sáng tỏ giáo lý và đời sống phạm hạnh. Bên cạnh đó, giới cư sĩ với học thức và vị thế xã hội, là lực lượng hộ pháp, góp phần định hướng, tổ chức và hỗ trợ về trí tuệ, tài lực. Sự

phối hợp hài hòa giữa hai giới đã tạo nên sức mạnh nội sinh, tạo ra những kết quả to lớn trong phong trào chấn hưng tại Trung Kỳ. Trong đó, phải kể đến vai trò tích cực, nhân tố căn cốt đó là Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám.

1.2. Xuất thân và sự nghiệp của Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám

Về hành trạng của Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám có nhiều tài liệu đề cập đến. Có thể kể đến các tác phẩm: Kỷ yếu hội thảo khoa học Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám và Những đóng góp đối với Hội An Nam Phật học, Chư tôn thiện đức & cư sĩ hữu công Phật giáo Thuận Hóa, tập 2, Việt Nam Phật giáo sử luận, Tiểu sử danh tăng Việt Nam thế kỷ XX...

Tâm Minh Lê Đình Thám được biết đến là một trong những trí thức cư sĩ tiêu biểu của Phật giáo Việt Nam thời cận hiện đại. Ông sinh ngày 1 tháng 5 năm Đinh Dậu (1897), quê ở Đông Mỹ, Điện Bàn, Quảng Nam trong một gia đình Nho học. Thân phụ là cụ Lê Đĩnh (1840 - 1933), từng giữ chức Đông các điện Đại học sĩ kiêm Binh bộ Thượng thư triều Tự Đức. Thân mẫu là bà Phan Thị Hiệu, vợ thứ hai trong ba người vợ của cụ Đĩnh. Như vậy, ông là con trai thứ hai của bà Hiệu, chứ không phải con út như một số tài liệu trước đây nhận định.

Thuở nhỏ, ông được cha dạy chữ Nho, sau chuyển sang Tây học theo khuyến khích của gia đình. Nhờ được gần gũi các nhà ái quốc tiên bối, như các cụ Huỳnh Thúc Kháng, Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu cùng với tư chất thông minh và tinh thần cầu tiến, ông liên tục đạt thủ khoa từ bậc tiểu học đến đại học.

Năm 1916, tốt nghiệp Y sĩ Đông Dương tại Hà Nội, ông làm việc tại các bệnh viện Hội An, Tuy Hòa, Quy Nhơn... Bên cạnh nghề y, ông say mê nghiên cứu nhiều lĩnh vực như y học, triết học, Nho học, chiêm tinh, lịch sử, văn hóa và tôn giáo.

Năm 1926, khi đang công tác tại Quảng Nam, trong một lần viếng chùa Tam Thai (Ngũ Hành Sơn), Lê Đình Thám tình cờ đọc được bài kệ của Lục Tổ Huệ Năng khắc trên vách chùa: *"Bồ đề bản vô thụ / Minh cảnh diệc phi đài / Bản lai vô nhất vật / Hà xứ nhạ trần ai"*. Chính bài kệ đã khai mở ở ông niềm cảm hứng với triết lý Phật giáo.

Năm 1928, khi được chuyển ra Huế làm Y sĩ trưởng Viện Bào chế và Vi trùng học Louis Pasteur, ông tìm đến chùa Trúc Lâm thỉnh ý HT. Giác Tiên về bài kệ trên. Ngay sau đó, ông đã phát tâm trường trai và quy y Tam bảo, thọ Bồ-tát giới được HT. Giác Tiên đặt cho pháp danh là Tâm Minh và pháp tự là Châu Hải.

Năm 1929, Tâm Minh theo học tại Phật học đường chùa Trúc Lâm, là cư sĩ duy nhất trong số 17 học viên cùng lớp. Suốt bốn năm thọ học với các bậc danh tăng như HT. Huệ Pháp, Quốc sư Phước Huệ và HT. Giác Tiên đã làm cho kiến thức Phật học của ông ngày càng vững chắc, uyên thâm.

Điểm đáng chú ý, bên cạnh tham gia các lớp học tại Phật học đường Trúc Lâm, ông còn nghiên cứu sâu các bài giảng của Đại sư Thái Hư (Trung Hoa) về phương pháp tổ chức và chấn hưng Phật giáo. Từ nhận thức đó, ông đã đề xuất và cùng các bậc danh tăng như Quốc sư Phước Huệ, HT. Giác Tiên, HT. Giác Nhiên, HT. Tịnh Hạnh, HT. Tịnh Khiết... đứng ra khởi xướng phong trào chấn hưng Phật giáo Trung Kỳ, thành lập An Nam Phật học hội vào năm 1932, hội quán đầu tiên đặt tại chùa Từ Quang, trong đó Cư sĩ Tâm Minh giữ chức Hội trưởng, còn chư Hòa thượng là bậc chứng minh đạo sư.

Không chỉ góp phần tổ chức và phát triển hệ thống Phật giáo, ông còn đặc biệt quan tâm đến việc đào tạo Tăng tài và giáo dục Phật tử trẻ. Ông là người sáng lập nên Đoàn Thanh niên Phật học Đức Dục, tiền thân của Gia đình Phật hóa phổ.

Mùa thu năm 1946, ông cùng gia đình trở về Quảng Nam tham gia kháng chiến chống Pháp. Sau thắng lợi, ông được mời ra Hà Nội và đến năm 1949 đảm nhiệm chức Chủ tịch phong trào vận động Hòa bình thế giới, đồng thời được suy cử làm Phó Hội trưởng Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam tại Thủ đô Hà Nội.

Năm 1956, ông cùng HT. Trí Độ đại diện Việt Nam tham dự Đại hội Phật giáo Buddha Jayanti tại Ấn Độ. Sau đó, ông thường lui tới chùa Quán Sứ dịch kinh, giảng pháp cho Tăng Ni và Phật tử.

Ngày 23/04/1969 (nhằm ngày 07/03 âm lịch), ông qua đời tại Hà Nội, hưởng thọ 73 tuổi, để lại 42 năm cống hiến trọn vẹn cho lý tưởng phụng sự đạo pháp và dân tộc.

Nhìn chung, cuộc đời của Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám là biểu tượng của tinh thần dẫn thân Bồ-tát đạo giữa đời thường. Ông không chỉ là nhà y học xuất sắc, mà còn là người tiên phong trong công cuộc chấn hưng Phật giáo Việt Nam, góp phần đặt nền móng cho tổ chức giáo hội, hệ thống giáo dục Tăng Ni và phong trào cư sĩ hộ pháp.

Những đóng góp của ông được hệ thống qua bốn trụ cột:

(1) Thành lập các Phật học đường có đủ 3 cấp: Sơ, Trung và Cao đẳng mà cư sĩ là người đứng vào hàng bảo trợ và giảng sư; các lớp này đã đào tạo rất nhiều Tăng tài hữu công cho giáo hội sau này;

(2) Xuất bản Tạp chí Viên Âm để truyền bá chính pháp mà cư sĩ là chủ nhiệm kiêm chủ bút cho đến 1945;

(3) Phát triển Hội An Nam Phật học bằng cách thành lập các tỉnh hội khắp miền Trung và thành lập cơ quan lãnh đạo là Tổng Trị sự;

(4) Thành lập Phật học Tùng thư để xuất bản các loại sách phổ thông và nghiên cứu như Kinh Lăng Nghiêm, Luận Nhân Minh, Luận Đại thừa khởi tín, Bát thức quy củ tụng, Phật học thường thức, Bát-nhã tâm kinh, Lịch sử Phật giáo Việt Nam và Phật Tổ Thích-ca. Các tác phẩm trên gom thành Tâm Minh Lê Đình Thám tuyển tập.

Theo HT.Thích Hải Ấn ghi nhận ông đã được trao tặng: “Huy chương Y tế Liên hiệp Pháp Việt và Đệ ngũ đẳng Bắc đẩu Bội tinh do chính phủ Pháp tặng; Hàn lâm viện Quan lộc Tự Khanh và Đệ nhất hạng Kim khánh do Nam triều tặng; Huy chương Hòa bình do Hội đồng Hòa bình Thế giới tặng; Huân chương Độc lập hạng 3 và chương Kháng chiến hạng 1 do Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tặng”.



Lễ Tưởng niệm 55 năm ngày mất Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám (1969-2024)

tại Tổ đình Tường Vân (phường Thủy Xuân, Huế).

Ảnh sưu tầm

Chương 2. Vai trò của Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám đối với phong trào chấn hưng Phật giáo ở Trung kỳ

2.1. Tham gia sáng lập và lãnh đạo Hội An Nam Phật học

Vào đầu thế kỷ XX, trước những biến động sâu sắc của thế giới và sự chuyển mình mạnh mẽ của xã hội Việt Nam dưới ách thuộc địa, Phật giáo Việt Nam nói chung và Phật giáo Trung Kỳ nói riêng đứng trước nguy cơ suy vi. Tại Trung Kỳ, phong trào này diễn ra với quy mô, tổ chức và phương pháp tương đối toàn diện thể hiện trên các phương diện về đổi mới tiếp cận nghiên cứu kinh điển, giảng giải giáo lý bằng chữ Quốc ngữ, xuất bản báo chí, mở trường đào tạo Tăng Ni, thành lập tổ chức Phật giáo. Nhờ vậy, Phật giáo Trung Kỳ không chỉ có được diện mạo mới và sức sống mới, mà còn tạo tiền đề quan trọng cho tiến trình thống nhất Phật giáo Việt Nam.

Trước tiên, hai điều kiện cơ bản để Cư sĩ Tâm Minh tích cực khởi phát công cuộc chấn hưng đó là ảnh hưởng từ tạp chí Hải Triều Âm về phong trào chấn hưng của Đại sư Thái Hư, tiếp đến với sự cố vấn của HT.Giác Tiên, HT.Phước Huệ, HT.Tịnh Hạnh, HT.Tịnh Khiết, ông đã vận động 18 đạo hữu trí thức như Nguyễn Đình Hòe, Nguyễn Phúc Ưng Bàng, Nguyễn Khoa Tân, Trần Đăng Khoa... cùng soạn Điều lệ xin phép thành lập Hội An Nam Phật học.

Theo Dương Thanh Mừng, vào năm 1931, các thành viên sáng lập đã gửi đơn xin phép thành lập Hội Phật học lên vua Bảo Đại, nhưng đơn bị Thượng thư Bộ Lại Nguyễn Hữu Bài giữ lại, do thời điểm đó vua đang du học tại Pháp, việc triều chính tạm giao cho Hội đồng Phụ chính Nam triều giải quyết. Gần một năm sau, khi phát hiện sự việc, các hội viên đã trình đơn trực tiếp lên Đoan Huy Hoàng Thái hậu, pháp danh Trừng Loan, nhờ bà chuyển đến nhà vua. Nhờ sự tác động của Hoàng Thái hậu đã *“tác động tới vua Bảo Đại giúp cho Phật giáo thành lập Hội An Nam Phật học và chính Bảo Đại nhận làm hội trưởng danh dự của hội. Nhờ thế lực của Bảo Đại, lãnh đạo Hội An Nam Phật học loại trừ được những người làm tay sai cho Pháp”*.

Hồ sơ được vua phê chuẩn vào ngày 17/8/1932. Ngày 17/9/1932, Khâm sứ Trung Kỳ Yves Charles Chatel ký Nghị định số 2691, cho phép hội chính thức hoạt động với danh xưng Hội Phật học Huế, đặt trụ sở tại chùa Trúc Lâm. Nhưng phải đến ngày 10/8/1936, chính quyền thực dân Pháp mới chính thức công nhận tư cách pháp nhân của hội bằng Nghị định số 394-S với danh xưng An Nam Phật học Hội, tuy nhiên rất ít phổ biến, thậm chí tờ Viên Âm cũng ghi *“Viên Âm Nguyệt san của Hội Phật học Huế”*.

Điểm đáng nói, Hội An Nam Phật học là tổ chức tiêu biểu, giữ vai trò trung tâm của Phật giáo Trung Kỳ. Sự ra đời và hoạt động của hội gắn liền với hai nhân vật then chốt: HT. Giác Tiên và Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám có công lớn trong việc hoạch định đường hướng, tổ chức và điều hành các hoạt động Phật sự của hội.

Về tổ chức, hội gồm Ban Chứng minh Đạo sư do các bậc cao Tăng như Quốc sư Phước Huệ, HT. Giác Tiên, HT. Giác Nhiên, HT. Phước Hậu, HT. Tịnh Hạnh, HT. Tịnh Khiết đảm nhiệm. Ban Trị sự của hội gồm có 01 Chánh hội trưởng, 01 Phó hội trưởng, 01 Chánh thư ký, 01 Phó thư ký, 01 Chánh thủ quỹ, 01 Phó thủ quỹ và 05 Kiểm soát.

Cư sĩ Lê Đình Thám làm Hội trưởng từ năm 1932 - 1934, vì ông là vị cư sĩ đạo hạnh, kiến thức Phật học lẫn thế học rất uyên thâm, lại đầy nhiệt huyết phục vụ cho hội với tôn chỉ *“Hoằng dương Phật pháp, lợi lạc hữu tình”*. Cấu trúc tổ chức được quy hoạch chặt chẽ từ Tổng Trị sự ở Huế đến các Tỉnh hội, Chi hội và Khuôn hội, hình thành một hệ thống liên kết khắp Trung Kỳ.

Mục đích hoạt động nêu rõ hoạt động hoằng pháp trong điều 02 của bản điều lệ năm 1932 như sau: *“Mỗi tháng đến ngày mùng một và rằm thiết lễ, lễ Phật và thỉnh thầy giảng đạo để cho các hội viên đồng học, đồng tu; cốt để thiện nam và tín nữ được hiểu rõ chính giáo của Phật”*.

Đồng thời: *“Làm hậu thuẫn để chấn hưng và duy trì phát triển Phật giáo, làm việc hữu ích và thống nhất đạo pháp. Bảo trì các vị tăng già có giới hạnh, có khả năng hướng dẫn Phật tử, nhất là những người có chí nguyện với công đức Phật sự. Hướng dẫn, giải thích giáo lý Phật giáo, những nếp sống đạo vị, lòng tâm thành hướng thiện. Hướng dẫn giúp nhau đào tạo, tu dưỡng chính bản thân một cách xứng đáng, thực hiện trong gia tộc và xã hội, tạo niềm tin vào đạo hạnh của Phật giáo. Công bố và hoạt động cho lý tưởng từ bi, chống thù hận, chia rẽ và gây chiến tranh”*.

Về hoằng pháp, hội tổ chức giảng pháp tại các tỉnh Trung Kỳ, nơi Tâm Minh Lê Đình Thám và các vị pháp sư luân phiên thuyết giảng. Những năm 1932 - 1937, ông cùng thầy Mật Khế đã có nhiều buổi thuyết giảng Phật pháp cho các tín đồ Phật tử tại chùa Từ Quang. Ngày 3/7/1937, ông thuyết pháp cho khoảng 200 tín đồ tại chùa Khánh Vân. Mùa Phật đản năm 1936, ông làm trưởng tiểu ban Rước Phật tại chùa Diệu Đế. Theo đó, ngày 08/04, chánh hội trưởng Tâm Minh Lê Đình Thám giảng *“Sự tích đức Phật Thích Ca đản sinh”* vào 08 giờ sáng. Năm 1937, ông thuyết giảng đề tài *“Thế nào là Phật pháp”* vào lúc 17 giờ ngày 08/04.

Đến ngày 15/7/1938, Khâm sứ Graffeuil đã phê chuẩn Nghị định số 2159 về việc điều chỉnh tên Hội thành An Nam Phật học Hội (Société d'Etude et d'Exercice de la religion Bouddhique) và lấy chùa Từ Đàm làm trụ sở chính. Vào ngày 11/12/1938, Tỉnh hội Thừa Thiên hợp và đề cử Lê Đình Thám đảm nhận chức vụ Chánh hội trưởng năm 1939.

Về chính đốn Tăng đoàn, Hội đề ra sáu nguyên tắc quan trọng, trong đó nhấn mạnh đến việc không nhận người phá giới, công bố sự phạm giới có chứng cứ, bảo hộ người trì giới, và chấn chỉnh nếp sống thiền môn đã thể hiện tư tưởng cải cách có tính cách mạng trong đạo pháp.

Về hệ thống tổ chức, mỗi Tỉnh hội lại có một Ban Trị sự coi công việc trong tỉnh. Mỗi Tỉnh có thể có nhiều Ban Tịnh độ. Mỗi khuôn Tịnh độ cũng có một Ban Trị sự quản trị việc trong khuôn. Tổng Trị sự gồm có Chánh - Phó Hội trưởng, 1 kiểm duyệt giáo lý, các viên thư ký, thủ quỹ, kiểm sát, cố vấn nhằm chỉ huy, hoằng pháp và giao thiệp với Chính phủ Trung Kỳ và các hội Phật các xứ hoặc các nước khác. Ngoài ra, Tỉnh hội, Chi hội, Khuôn Tịnh độ cũng gồm Chánh - Phó và các thành viên giống như Tổng Trị sự, bên cạnh đó còn có các cơ quan có tính cách chuyên môn như: Trường Tăng học đào tạo Tăng già; Đoàn Phật học Đức Dục; Ban quản trị Đồng ấu và Ban Viên Âm để phát hành báo Viên Âm cùng các kinh sách...

Về chương trình giáo dục, An Nam Phật học Hội cũng có sự quy hoạch rõ ràng, bài bản hơn các hội khác. Về quy mô thì rộng mở không chỉ có tu sĩ mà còn dành cho các cư sĩ tại gia. Hội còn mở các lớp Đồng Ấu, Đoàn Thanh niên Phật học Đức Dục, Gia đình Phật Hóa Phổ. Trường An Nam Phật học là nơi đi đầu về việc đào tạo Tăng tài, với hoạch định cho chương trình học và mô hình học tập theo hướng hiện đại của Pháp - Việt và được khẳng định: *“Trong nền giáo dục ở xứ ta, một sự thay đổi lớn đang được thực hiện từ hơn nửa thế kỷ: phương pháp oai quyền độc đoán đã dần lùi bước để nhường chỗ cho phương pháp dùng lí luận mà giảng dạy”*.

Song song với đó, ông cùng Ban Trị sự Hội An Nam Phật học thường xuyên tổ chức các khoá lễ cầu siêu cho chư vị Tôn túc như HT. Tịnh Hạnh, HT. Giác Nhiên và Đạo hữu tại các Tỉnh hội Trung Kỳ. Đồng thời, ông tham dự lễ thành lập Tỉnh hội Quảng Trị vào ngày 14/09/1938. Sau đó, ông tham dự lễ đặt đá xây dựng trường Phật học tại chùa Báo Quốc.

Ngày 13/4/1941, sau cuộc họp của Tổng Trị sự Hội An Nam Phật học, cụ Lê Đình Thám được cử giữ chức Kiểm duyệt giáo lý của hội, đồng thời là thành viên Tiểu Hội đồng Hoằng pháp, chủ bút Tiểu ban Viên Âm (do cụ Ứng Bàng làm chủ nhiệm), chủ bút Tiểu ban Tùng thư, Kiểm duyệt giáo lý của Trường Phật học và

kiểm sát Ban diễn kịch. Đến ngày 06/03/1942, ông tiếp tục đảm nhiệm chức vụ này.

Ngày 28/02/1942, HT. Thiện Hoà và Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám đại diện Hội An Nam Phật học tham dự lễ khánh thành chùa Vatphrakeo tại Viêng Chăn (thủ đô nước Lào). Qua các hoạt động lễ hội nêu trên, cho thấy giới cư sĩ sớm tiếp biến những nét văn hoá phương Tây trong việc tổ chức và tạo dựng hình ảnh đẹp trong lòng dân tộc Việt Nam.

Với những đóng góp của Hội An Nam Phật học trên nhiều phương diện đã nói lên vai trò quan trọng của Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám. Với vai trò Hội trưởng, ông không những lo chỉnh đốn Tăng đồ, đào tạo Tăng tài, biên soạn giáo lý mà còn chú trọng đến việc làm sáng tỏ tư tưởng Phật giáo một cách dễ hiểu, dễ tiếp thu. Thế nên, ông xứng đáng là: *“Đệ tử tại gia xuất sắc nhất của Giác Tiên”* và *“Xứng đáng có một chỗ đứng quan trọng trong lịch sử Phật giáo Việt Nam cận đại”*.

2.2. Chủ nhiệm và linh hồn của tạp chí Viên Âm

Tạp chí Viên Âm là cơ quan ngôn luận của Hội An Nam Phật học được cấp phép xuất bản vào ngày 30/6/1933. Về cơ bản, Hội An Nam Phật học (1932 - 1945) hoạt động tương tự các hội Phật giáo đương thời như Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học, Hội Bắc Kỳ Phật giáo, với các lĩnh vực chính là xuất bản tạp chí, mở trường Phật học đào tạo Tăng tài, dịch thuật, ấn hành kinh sách và tổ chức các hoạt động hoằng pháp. Tuy nhiên, hội lại mang một đặc trưng riêng biệt về cơ cấu tổ chức, phương pháp đào tạo và định hướng truyền bá giáo lý, tạo dấu ấn đặc thù trong phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Với kiến thức uyên thâm về Phật học lẫn thế học gồm Hán học và Tây học, Hội trưởng Lê Đình Thám được Hội tin tưởng giao chức vụ Chủ nhiệm kiêm Chủ bút tạp chí Viên Âm. Sau khi được Toàn quyền Đông Dương cấp giấy phép xuất bản, ông đảm trách chủ nhiệm từ số đầu tiên (01/12/1933) đến số 25 (01/06/1937).

Sau đó, để tập trung công tác kiến thiết chùa Từ Đàm làm hội quán của hội, ông đã xin thôi làm Chủ nhiệm và Chủ bút của tạp chí. Trong giai đoạn 1937 - 1944, ông lần lượt giữ chức Tổng lý của tòa soạn từ số 34 (12/1938 - 01/1939) đến số 35 rồi tiếp tục được tín nhiệm đảm nhận lại vai trò Chủ nhiệm từ số 69 đến số 72 (năm 1944).

Trong suốt hơn mười năm gần đó, ông đã viết hơn 68 bài với 11 bút danh khác nhau như Tâm Minh, Cửu Giới, Tâm Liên, Tâm Bình, Tâm Lực..., đăng tải trên tổng số 1099 bài viết của tạp chí. Gần 487 không ghi tên tác giả, nhưng căn cứ

vào văn phong và định hướng biên tập, các học giả cho rằng đa phần do chính Lê Đình Thám biên soạn.

Các bài viết của ông thể hiện một kiến thức Phật học uyên thâm, kết hợp hài hòa giữa tri thức tôn giáo và học thuật thế gian, được trình bày song ngữ Việt - Pháp, bao quát bốn mảng chính: (1) Phật pháp, (2) Hoạt động của Hội An Nam Phật học, (3) Giải đáp thư tín và (4) Thơ truyện đạo vị.

Ở lĩnh vực Phật pháp, ông tập trung chấn chỉnh tình trạng *“Tăng Ni thất học, giới luật suy kém”*, với loạt bài có giá trị giáo dục và tư tưởng sâu sắc như *“Nhân quả luân hồi,” “Pháp môn Tịnh độ,” “Vấn đề Phật học trong sơn môn,” “Chân lý,” “Vô ngã,” “Tứ chính cần,”* hay *“Phật học cương yếu.”* Các bài này không chỉ bổ sung tri thức Phật học mà còn khơi dậy tinh thần tu học, hướng dẫn hành giả *“học và nghiệm”* để thể nhập giáo lý giữa đời thường.

Với vai trò Hội trưởng kiêm Chủ bút, ông còn nhiều lần trình bày tôn chỉ, phương hướng của hội trên Viên Âm, điển hình là số 33 (10 - 11/1938), đồng thời giới thiệu chương trình đào tạo của Trường Phật học Báo Quốc từ sơ đẳng đến cao đẳng. Ngoài công tác biên tập, ông còn trực tiếp trả lời thư bạn đọc, như các thư của cư sĩ Thiện Chí, Xuân Thành, qua đó dùng lập luận Phật học chính xác, ngôn ngữ giản dị mà sâu sắc để giải nghi, hoằng pháp và khuyến tấn tín tâm.

Ở lĩnh vực văn học - nghệ thuật, ông còn để lại nhiều truyện ngắn và thi phẩm mang đậm tính giáo dục và nhân văn, như *“Cửu giới tự sát,” “Ba Rằm ăn chay,” “Biển ái sóng dồi,” “Nam Mô Phật,” “Câu chuyện ông Chài,” “Chơi núi Thiên Thai”*... Các sáng tác này vừa nhẹ nhàng, hóm hỉnh, vừa chuyển tải thông điệp đạo đức sâu sắc, giúp Phật pháp lan tỏa gần gũi hơn với đại chúng.

Từ năm 1942 - 1945, do khó khăn về vật liệu in ấn, Viên Âm chuyển sang in tại Nhà in Đuốc Tuệ, giảm bớt nội dung tin tức hội để tiết kiệm chi phí, nhưng vẫn duy trì chất lượng học thuật. Suốt hơn 10 năm phụng sự tòa soạn, ông không chỉ xuất vốn duy trì hoạt động, mà còn đảm nhiệm công tác biên tập, xuất bản và thư tín, góp phần duy trì tạp chí như một trung tâm Phật học hàng đầu của Trung Kỳ.

Cư sĩ Tâm Minh từng nhận định trong Viên Âm số 1 rằng: *“Hiện nay báo chương, tạp chí, sách sử sản xuất, chất chứa, số kể nhiều đến bao nhiêu, mà giữa đời khổ còn thiếu một chữ tròn, thời tập Phật học nguyệt san này tưởng cũng không dư, xin đọc giả lượng nghĩ”*. Câu nói ấy cho thấy tâm nguyện của ông trong việc chấn hưng tinh thần Phật học, coi Viên Âm không chỉ là tạp chí học thuật, mà còn là *“phương tiện hoằng pháp lợi sinh giữa thời đại nhiễu nhương”*.

Theo Nguyễn Lang nói rằng: *“Lê Đình Thám không những là cái trục trung ương của hội mà còn là linh hồn của tạp chí Viên Âm nữa. Sở dĩ ông làm được việc một cách bền bỉ là vì ông có đủ đức khiêm nhượng”*. Quả thật, bằng trí tuệ, khiêm cung và cống hiến không mệt mỏi, ông đã để lại dấu ấn sâu đậm trong phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam, mở ra một thời kỳ mới cho học thuật Phật giáo.

Tóm lại, hơn mười năm gắn bó với tạp chí Viên Âm là hơn mười năm Lê Đình Thám cống hiến trọn vẹn tâm lực, tài lực, trí tuệ và cả hoài bão chấn hưng đạo pháp được thể hiện trên cây bút thép in trên từng số báo. Có thể thấy, ở bất kỳ cương vị nào, từ Chủ nhiệm, Chủ bút đến Tổng lý, ông đều để lại dấu ấn sâu đậm bằng tinh thần phụng sự và tấm lòng tha thiết với đạo. Chính bởi vậy, tạp chí Viên Âm không chỉ là diễn đàn Phật học uy tín của thời kỳ chấn hưng, mà còn là nơi kết tinh tâm huyết và trí tuệ của Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám - linh hồn của tạp chí Viên Âm, người đã thổi vào tờ báo ấy sức sống thời đại và tinh thần của phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam.

2.3. Hoạt động giáo dục đào tạo tăng tài

Tùng là một trong những học trò tham gia lớp học tại chùa Trúc Lâm vào năm 1929, cư sĩ Tâm Minh đã trang bị đầy đủ vốn kiến thức Phật học lẫn Tây học. Chính vì thế, từ năm 1932, Hội An Nam Phật học ra đời, với tư cách là Hội trưởng ông đã tích cực lên đề án xây dựng trường Phật học theo hướng hiện đại hoá từ mô hình trường Pháp - Việt. Vai trò của ông đối với hoạt động đào tạo tăng tài được phản ánh qua những thành quả Phật sự mà ông để lại về mô hình cũng như nguồn nhân lực kế thừa.

Thứ nhất, định hình mô hình giáo dục Phật học hiện đại hoá. Nhận thức sâu sắc rằng sự suy yếu của Phật giáo đương thời bắt nguồn từ tình trạng Tăng đoàn thất học và thiếu tổ chức, Tâm Minh Lê Đình Thám đã chủ trương *“chấn hưng đạo pháp phải bắt đầu từ giáo dục”*. Trên cương vị Chánh hội trưởng Hội An Nam Phật học, ông là người khởi xướng việc thiết lập hệ thống trường Phật học theo mô hình hiện đại. Mô hình này được ông học hỏi từ trường Pháp - Việt. Năm 1933, Trường An Nam Phật học được thành lập tại chùa Vạn Phước (sau dời về chùa Báo Quốc), do HT. Trí Độ làm Đốc giáo.

Tiếp đó, năm 1935, các Phật học đường dành cho bậc Trung đẳng và Đại học lần lượt mở tại chùa Tường Vân, chùa Trúc Lâm dưới sự chỉ đạo của HT. Giác Tiên, HT. Tịnh Khiết. Trong vai trò giáo thọ sư, Tâm Minh nổi tiếng uyên bác cả Đông lẫn Tây, đặc biệt am tường Kinh - Luận, nên được thỉnh giảng tại các trường nói trên. Nguyễn Lang trong Việt Nam Phật giáo sử luận nhận xét: *“Phật*

học của ông được các bậc Tôn túc công nhận là thâm uyên... luôn giữ lễ nghi trang trọng và phong thái mô phạm khi giảng pháp". Đây là những cơ sở đầu tiên đưa việc đào tạo Tăng sĩ vào khuôn khổ học thuật, kết hợp giữa Phật học và thế học, giữa tu học và hành đạo, nhằm tạo ra một lớp Tăng tài vừa có trí tuệ vừa có năng lực.

Thứ hai, xây dựng và chuẩn hóa chương trình đào tạo Tăng tài. Dưới sự định hướng của ông, Hội An Nam Phật học đã thiết lập một chương trình đào tạo Tăng tài ba cấp bậc gồm Tiểu học, Đại học và Tham cứu chuyên sâu, mang tính hệ thống và chuẩn mực đầu tiên trong nền Phật học Việt Nam. Chương trình học bao gồm các bộ Kinh - Luật- Luận như Luật Sa-di, Địa Tạng, Lăng Nghiêm, Duy Thức, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Đại Trí Độ Luận, cùng các môn Quốc ngữ và toán học cơ bản, thể hiện tư tưởng kết hợp Phật học và thế học.

Cùng với đó, Tâm Minh đã trực tiếp biên soạn giáo trình cho các cấp học Phật học sơ đẳng, trung đẳng và cao đẳng. Các tác phẩm như Phật học sơ yếu, Luân lý của đạo Phật, Phật pháp đại cương thể hiện tinh thần hệ thống hóa và chuẩn hóa nội dung giảng dạy. Ngoài ra, ông còn khuyến khích học Tăng học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Pháp, để tiếp cận các nguồn tư liệu Phật học quốc tế, qua đó mở rộng tri thức và giao lưu học thuật. Theo Nguyễn Lang nhận xét: *"Phật học của ông được các bậc Tôn túc công nhận là thâm uyên cho nên Ông đã được mời vào giảng dạy trong các Phật học đường Trúc Lâm và Tường Vân, Ông luôn luôn mặc lễ phục (áo tràng) và đánh lễ chư Tăng trước khi lên pháp tòa để giảng kinh cho họ, lớp học Tường Vân là lớp trung đẳng có nhiều bậc Tỳ kheo học lực đã khá thâm hậu".*

Với chương trình và phương pháp giảng dạy của trường An Nam Phật học thì tháng 3/1936, đoàn đại biểu Bắc kỳ đã vào Huế *"để tùy hỷ và khảo sát các công việc tổ chức của Hội Phật học Huế"* thì ngài Trí Hải hết sức ngạc nhiên với phương pháp của hội này: *"Cách dạy học này rất có quy mô trật tự, phương pháp dạy học trò rất dễ hiểu. Khác hẳn với lối học bình văn giảng nghĩa như xưa, học đủ cả khoa học, triết học... cũng gồm đúng như quy củ của các trường học Pháp Việt hiện thời. Giờ nào học, giờ nào viết, giờ nào tập thể dục, giờ nào tập làm văn, giờ nào viết ám tả, giờ nào nghiên cứu, giờ nào vấn đáp, các thì giờ học tập rất phân minh, không giống các quy củ trường học ngoài Bắc tí nào cả... nghĩ đến cách dạy, cách học truyền gia ở Bắc từ trước đến giờ rất khó hiểu, rất lâu tấn tới, thật là đáng tiếc cho cái tư chất thông minh của các vị hậu tiến xuất gia ở Bắc".*

Qua việc khảo sát các công việc tổ chức của hội thì tháng 9/1936, sư Tổ Liên được gửi vào Huế để thăm trường Phật học và tham khảo chương trình giáo dục

của nhà trường, sự khảo sát này được sư cụ Phan Trung Thứ viết trong bài chúc từ lễ khai giảng và được đăng trên báo Đuốc Tuệ: *“Ngày mùng Một tháng Tám âm lịch, ngài Chánh Hội trưởng cử sư ông Tố Liên vào Huế tham khảo chương trình giáo dục của trường Phật học trong ấy mất nửa tháng; sư ông Tố Liên về đem công việc tổ chức và chương trình giáo dục trường Phật học Huế trình với ngài Chánh Hội trưởng và ban đạo sư chúng tôi”*.

Thứ ba, xác lập định hướng tu học và lý tưởng nhập thế cho Tăng Ni trẻ. Thông qua các bài viết và thuyết giảng đăng tải trên Viên Âm, Tâm Minh Lê Đình Thám đề cao quan điểm *“học để hành, tu để hóa độ”*, xem giáo dục Phật học không chỉ là việc truyền đạt tri thức tôn giáo mà còn là quá trình hình thành nhân cách, đạo đức và tinh thần nhập thế của người tu sĩ. Ông cho rằng Tăng sĩ không thể tách rời đời sống xã hội, mà phải *“hoằng dương chính pháp giữa đời”*, đem tinh thần Phật pháp ứng dụng vào công cuộc cải hóa nhân tâm và phục vụ đất nước.

Thứ tư, kết nối giới trí thức cư sĩ và Tăng sĩ trong sự nghiệp giáo dục. Một điểm nổi bật trong tư tưởng giáo dục của Tâm Minh là tinh thần Tăng tục đồng hành. Ông đã vận động nhiều trí thức và cư sĩ tham gia giảng dạy, biên soạn tài liệu và hỗ trợ tài chính cho các trường Phật học. Mô hình này giúp giáo dục Phật học vượt ra khỏi phạm vi tự viện, trở thành một hoạt động mang tính xã hội và học thuật, góp phần hình thành đội ngũ Tăng tài có trình độ và bản lĩnh.

Nhờ nền tảng giáo dục đó, Phật học đường Báo Quốc đã đào tạo nên một thế hệ Tăng sĩ kiệt xuất như Trí Quang, Thiện Siêu, Thiện Minh, Thiện Hoa, Trí Tịnh... những vị sau này trở thành trụ cột của Phật giáo Việt Nam hiện đại. Có thể nói, chính nhờ tầm nhìn và công lao tổ chức của Tâm Minh Lê Đình Thám mà nền giáo dục Phật học Việt Nam bước sang một thời kỳ quy củ, học thuật và gắn bó chặt chẽ với sự nghiệp hoằng dương chính pháp. Theo Nguyễn Lang nhận xét: *“Lê Đình Thám có lẽ người cư sĩ đầu tiên ở thế kỷ hai mươi đã dự phần vào việc đào tạo Tăng tài”*.

Lại nữa, điểm tích cực nổi bật của trường Phật học này là tính khoa học, hiện đại và thực tiễn trong công tác đào tạo Tăng tài. Trước hết, trường đã xây dựng chương trình giảng dạy rõ ràng, xác định cụ thể số lượng học phần và thời gian đào tạo cho từng cấp học, thể hiện tầm nhìn dài hạn và chiến lược trong việc đào tạo đội ngũ Tăng sĩ có trình độ.

Bên cạnh đó, Hội An Nam Phật học còn khuyến khích mở rộng các Phật học đường ở cơ sở, góp phần lan tỏa giáo dục Phật học đến nhiều địa phương, tạo điều kiện cho Tăng Ni trẻ được học tập trong môi trường phù hợp. Đặc biệt, hội

còn ban hành quy định cụ thể và hợp lý về việc chọn địa điểm, nhân sự và nội dung giảng dạy như ưu tiên những ngôi chùa rộng rãi, môi trường lành mạnh, trụ trì có giới hạnh thanh tịnh và giảng sư có năng lực. Chính vì thế, những đóng góp thiết thực của ông đã đưa trường Phật học An Nam trở thành hình mẫu cho Hội Phật giáo Bắc kỳ học hỏi.

2.4. Tham gia thành lập các đoàn thể Phật giáo

Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám là người có tầm nhìn xa trong công cuộc chấn hưng Phật giáo Việt Nam đầu thế kỷ XX. Khi chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của các tổ chức thanh thiếu niên Công giáo như Hướng đạo sinh, Thiếu nhi Thánh thể vốn có hệ thống giáo dục tôn giáo rõ ràng, phân chia theo từng độ tuổi và hoạt động gắn kết cộng đồng. Vì thế, ông đã nhận ra rằng Phật giáo cũng cần có một mô hình tương tự để đào tạo thế hệ kế thừa.

Năm 1934, cư sĩ Trùng Bạc Nguyễn Phúc Bửu Bác thành lập Ban Đồng Ấu gồm 52 em Phật tử sinh hoạt tại chùa Phước Điền. Mục đích của Ban Đồng Ấu là *“giúp các em trở thành những người Phật tử chân chính đúng theo ước vọng của các em, của cha mẹ các em và của tất cả mọi người”*.

Theo đó, cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám yêu cầu đoàn sinh rèn luyện toàn diện cả đức hạnh và trí tuệ, cụ thể là tinh tấn niệm Phật, hiếu kính cha mẹ, sống hòa thuận, yêu thương người vật, kết giao bạn lành, nói lời chân thật, giữ nếp sống giản dị, nhiệt huyết, lạc quan và làm tròn bổn phận người cư sĩ. Để đạt mục tiêu đó, ông cùng Hội An Nam Phật học xây dựng chương trình huấn luyện Ban Đồng Ấu gồm bốn bậc tiến tu: Tùy hỷ (1 tháng), Tụng chú (6 tháng), Dự bị (1 năm) và Sơ đẳng (1 năm), nhằm đào tạo thiếu nhi Phật tử theo lộ trình tu học cơ bản.

Đặc biệt, vào tháng 04/1939, Ban Đồng ấu được bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám và cụ Trùng Bạc hướng dẫn tham gia văn nghệ do nhóm cư sĩ Nguyễn Hoài Vỹ tổ chức. Kết quả thu được 574 đồng trong đêm văn nghệ và phát tâm cúng dường cho việc xây dựng chùa hội quán Từ Đàm. Tuy nhiên, đoàn thể này vận hành mang tính cổ điển.

Vào ngày 14/08/1938, trong kỳ Đại hội đồng của Tổng Hội An Nam Phật học tại Huế, ông đã phát biểu: *“Không có thành tựu bền vững nào lại không nhắm tới hàng ngũ Thanh Thiếu niên. Họ là những người tiếp nối chúng ta trong ngày mai...”*.

Thế là năm 1940, ông thành lập tổ chức Đoàn Thanh niên Phật học Đức Dục bằng việc kêu gọi các thanh niên Phật tử trí thức tân học từ các gia đình hội viên Hội An Nam Phật học như Đinh Văn Vinh, Đinh Văn Nam, Võ Đình Cường,

Ngô Điền, Nguyễn Năng Viên, Phạm Hữu Bình...

Mục đích của đoàn là *“Tập hợp đội ngũ thanh niên trí thức nghiên cứu Phật giáo với tinh thần mới có tính chất tổng hợp so sánh, nhận định tư tưởng Phật giáo dưới ảnh hưởng của nền khoa học và tư tưởng hiện đại, dùng các hình thức phổ biến như báo chí, sách truyện tiến đến thành lập các đoàn thanh niên Phật giáo”*.

Trên cơ sở đó, Ban Đồng Ấu (1934) dành cho thiếu nhi, Đoàn Thanh niên Phật học Đức Dục (1940) dành cho thanh niên trí thức. Nguyễn Lang cho rằng: *“Đoàn Thanh Niên Phật Học Đức Dục lúc ấy là tượng trưng cho một đạo Phật rất “mới”*. Theo Dương Thanh Mừng cũng như bài viết của Võ Đình Cường trong bài Tưởng nhớ cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám thì các Ban Đồng Ấu, và Đoàn Thanh niên Phật học Đức Dục được hợp nhất thành *“Gia Đình Phật hóa Phổ”*, tại Đại hội Thanh thiếu niên Phật tử diễn ra ngày 30/04/1943 ở đồi Quảng Tế Huế. Trong đó, Gia đình Phật hóa phổ gồm có 4 gia đình:

1. Gia đình Tâm Minh do cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám làm Phổ trưởng
2. Gia đình Thanh Tịnh do Tôn Thất Tùng làm Phổ trưởng
3. Gia đình Tâm Lạc do Phạm Quang Thiện là Phổ trưởng
4. Gia đình Sum Đoàn do Nguyễn Hữu Tuân làm Phổ trưởng.

Mục đích và nội dung hoạt động là đào tạo những người Phật tử chân chính, xây dựng đời sống hạnh phúc trên nền tảng giáo lý của Phật giáo với phương châm *“Hòa thuận - Tin yêu - Vui vẻ”* và tập trung trên hai phương diện: *“Đức dục”* và *“Trí dục với nguyên tắc là lý duyên sinh áp dụng được cho từng đối tượng, từng lứa tuổi, từng ngành (Ngành oanh vũ, ngành thiếu, ngành thanh ...) xây dựng cho thanh thiếu niên một lối sống đạo đức trí tuệ, kỹ năng”*.

Thực chất, các tổ chức này được ông sáng tạo phù hợp trên nền tảng Phật giáo hóa về nội dung và mục tiêu, lấy giáo lý nhân quả, từ bi và trí tuệ, kết hợp phương pháp giáo dục hiện đại để rèn luyện con người toàn diện. Nhờ đó, Phật giáo từ chỗ gẫn bó chủ yếu với Tăng Ni và người lớn tuổi, đã mở rộng ra đời sống thanh thiếu niên, trở thành một đạo Phật sống động, nhập thế và gần gũi nhân sinh. Chính sự tiếp thu linh hoạt mô hình tổ chức tín đồ của Công giáo, cùng khả năng cải biến phù hợp với tinh thần Phật học, qua việc biên soạn Phật giáo ấu học và Phật giáo sơ học dưới dạng hỏi đáp, nội dung ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ.

Có thể nói, với sự hiện diện của Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám đã góp phần làm nên những thành quả của Hội An Nam Phật học không chỉ chú trọng đào tạo Tăng tài, mà còn hướng đến thế hệ Thanh thiếu niên trẻ, làm cho đạo Phật ngày càng phổ cập hóa vào đời sống người dân, đồng thời tạo dấu ấn cho phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam.

3. Kết luận

Từ việc tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám cho thấy ông là người đã hưởng ứng tích cực tinh thần chấn hưng Phật giáo từ Trung Hoa đến Nam Kỳ để khởi xướng và kiến tạo nền tảng vững chắc cho phong trào chấn hưng Phật giáo tại Trung Kỳ phát triển theo hướng hiện đại hoá. Dưới sự dẫn dắt của ông, Hội An Nam Phật học trở thành trung tâm đào tạo Tăng tài, mở trường Phật học mang tính hình mẫu, xuất bản báo chí bằng chữ Quốc ngữ và xây dựng tổ chức Phật giáo theo mô hình hệ thống phân cấp với quy trình nhanh, gọn.

Bằng trí tuệ đổi mới sáng tạo, tấm lòng nhiệt huyết và tinh thần phụng sự vô ngã, ông đã khơi dậy sức sống mới cho Phật giáo đang suy vi dưới ách thực dân và sự cạnh tranh của các tôn giáo khác. Không những thế, ông còn là một học giả lỗi lạc thông qua các công trình biên soạn, phiên dịch, trước tác kinh sách với tinh hoa chứa đựng trong bộ kinh Thủ lăng nghiêm.

Đồng thời, ông là người có khả năng quy tụ được cả giới Tăng Ni, cư sĩ, trí thức và thanh niên cùng chung chí hướng hộ trì Phật pháp. Với phong thái dung dị, kết hợp hài hòa giữa trí và bi, giữa Đông và Tây, biết nhìn sang vận dụng yếu tố tích cực của tôn giáo bạn để học hỏi trong việc sáng lập mô hình giáo dục, các đoàn thể góp phần làm nên diện mạo mới của Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ đầy biến động. Đây là một trong những yếu tố cơ bản đưa đến phong trào chấn hưng Phật giáo Trung Kỳ mang tính quy tụ.

Có thể nói, Tâm Minh Lê Đình Thám là linh hồn của phong trào chấn hưng Phật giáo tại Trung Kỳ, ông được ví như Tuệ Trung Thượng Sĩ thời Trần, đều là những bậc cư sĩ tại gia đạt đạo, đem đạo vào đời. Thực tế mà nói, nếu Tuệ Trung là người khơi mở tinh thần “*cư trần lạc đạo*”, hòa quyện đạo pháp với đời sống thế tục thì ông là người tiếp nối và hiện thực hóa tinh thần ấy, đưa Phật giáo lan tỏa đến đời sống xã hội, hiện diện ở mọi lứa tuổi.

Minh chứng cho những đóng góp của ông qua thông điệp trên hai câu đối ở chính điện chùa Từ Đàm: “*Phật chính biến tri, vô lượng thọ, vô lượng quang, vô lượng công đức. Học chân thật nghĩa, như thị văn, như thị tư, như thị tu trì*”. Ông

là tấm gương sáng để lại di sản tư tưởng mà đến nay vẫn còn giá trị, soi đường cho các thế hệ Tăng Ni, Phật tử Việt Nam tiếp bước trên con đường phụng đạo giúp đời. Từ vai trò của ông đã nói lên rằng Phật giáo rất cần Tăng Ni tài đức, Phật tử trí thức có đạo tâm để chung sức đồng lòng đem chính pháp lan tỏa, hiện diện trong đời sống con người.

Tài liệu tham khảo:

****Tài liệu tiếng Việt***

1. Thích Minh Cảnh (2019), Tổng mục lục Viên Âm Phật giáo sơ học, Thư viện Huệ Quang số hoá và ấn hành.
2. Trần Văn Dũng (2019), “Về vị hội trưởng An Nam Phật học hội Nguyễn Đình Hòe”, Kỷ yếu hội thảo khoa học Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám và những đóng góp đối với Hội An Nam Phật học, ngày 10-11/04/2019, Tổ đình Từ Đàm, Huế.
3. Lê Văn Đính (2004), “Về lịch sử hình thành và hoạt động gia đình Phật tử trong Phật giáo Việt Nam”, Nghiên cứu Tôn giáo, số 03.
4. Thích Trung Hậu - Thích Hải Ấn (2011), Chư tôn thiện đức & cư sĩ hữu công Phật giáo Thuận Hóa, tập 2, Nxb. Tổng Hợp TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
5. Thích Trung Hậu, Thích Hải Ấn sưu tầm (2007), Tác phẩm của bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, tập 3, Nxb. Văn hoá Sài Gòn.
6. Thích Nữ Viên Hiếu (2019), “Tâm Minh Lê Đình Thám với tổ chức hoạt động giáo dục Thanh thiếu niên Phật tử”, Kỷ yếu hội thảo khoa học Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám và những đóng góp đối với Hội An Nam Phật học, ngày 10-11/04/2019, Tổ đình Từ Đàm, Huế.
7. Nguyễn Lang (2012), Việt Nam Phật giáo sử luận, Nxb. Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh.
8. Dương Thanh Mừng (2019), “Sự hình thành chương trình đào tạo tăng tài trong phong trào chấn hưng Phật giáo miền Trung”, Kỷ yếu hội thảo khoa học Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám và những đóng góp đối với Hội An Nam Phật học ngày 10/11/04/2019, Tổ đình Từ Đàm, Huế.
9. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên, 2002), Tiến trình lịch sử Việt Nam, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
10. Trí Quang (2020), Tâm ảnh lục, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

11. Ninh Thị Sinh (2020), Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Bắc Kỳ trường hợp hội Phật giáo (1934-1945), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

12. Ninh Thị Sinh, Ninh Thị Hồng (2020), “Thực trạng Phật giáo Việt Nam thời Pháp thuộc”, Kỷ yếu hội thảo Lịch sử hình thành Giáo hội Phật giáo cổ truyền Việt Nam và những đóng góp cho đạo pháp và dân tộc, ngày 16/06/2020, Tổ đình Hội Khánh, Bình Dương.

13. Thích Mật Thể (1960), Việt Nam Phật giáo sử lược, Nxb. Minh Đức, Đà Nẵng.

14. Tâm Minh Lê Đình Thám (1999), Phật học thường thức, Nxb. Thuận Hoá, Huế. 15. Thư viện Huệ Quang (2016), Tuyển tập Điều lệ - Quy chế - Hiến chương Phật giáo Việt Nam (giai đoạn 1932 - 2000), TP. Hồ Chí Minh.

***Tạp chí**

16. Trí Hải (1936), “Mấy ngày đi Huế”, Đuốc Tuệ, số 17.

17. Tâm Minh (1934), “Vấn đề Phật học trong sơn môn”, Viên Âm, Huế, số 03.

18. Nguyệt san Viên Âm (1943), “Ban Đồng Ấu”, Viên Âm, số 60-61, Nxb. Cơ quan Hoàng Pháp của Hội An Nam Phật học, Huế.

19. Phật học hội (1939), “Chương trình lễ đặt đá ngày 27 tháng mười niên hiệu Bảo Đại thứ 13 (18 Décembre 1938)”, Viên Âm, số 35.

20. Phan Trung Thứ (1937), “Bài chúc từ lễ khai giảng tăng học”, Đuốc Tuệ, số 53. *Trang web Võ Đình Cường, “Tưởng nhớ Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, người sáng lập GDPT Việt Nam”, Nguồn: <https://giadinhphattu.vn/tu-lieu-tham-khao/tuong-nho-bactam-minh-le-dinh-tham.html>, truy cập ngày 10/10/2025.

Tác giả: **Nguyễn Thị Thùy Trang (Thích nữ Huệ Khánh)**

Học viên Cao học K.IV, chuyên ngành Lịch sử Phật giáo - Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế